

Ảnh hưởng của đầu tư trực tiếp nước ngoài đến tăng trưởng kinh tế của Việt Nam

NGUYỄN THỊ MINH HẬU*
TRỊNH HỒNG THU HƯƠNG**
PHẠM NGUYỄN MINH NHƯ***
NGUYỄN THANH THÙY****
PHẠM THỊ HỒNG PHƯƠNG*****

Tóm tắt
Bài viết sử dụng mô hình OLS để đánh giá tác động của vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) đến tăng trưởng kinh tế (GDP) của Việt Nam trong giai đoạn 2011-2020. Kết quả nghiên cứu cho thấy, FDI có tác động tích cực đến GDP. Từ kết quả nghiên cứu này, nhóm tác giả đưa ra một số đề xuất nhằm cải thiện việc thu hút FDI chất lượng hơn, để tiếp tục góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế trong thời gian tới.

Từ khóa: FDI, mô hình OLS, GDP, tăng trưởng kinh tế Việt Nam

Summary
The article uses OLS model to assess the impact of foreign direct investment (FDI) on economic growth (GDP) of Vietnam in the period 2011-2020. Research results show that FDI has a positive impact on GDP growth. Based on the research results, the authors propose a number of recommendations to improve the quality of FDI attraction, contributing to promote the economic growth in the coming time.

Keywords: FDI, OLS model, GDP, Vietnam's economic growth

GIỚI THIỆU

Khu vực FDI là động lực góp phần thúc đẩy nền kinh tế tăng trưởng, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tạo thêm cơ hội việc làm cho người lao động... Đặc biệt, FDI góp phần gia tăng năng lực sản xuất và xuất khẩu của Việt Nam; nâng cao sự phát triển cơ sở hạ tầng; hoàn thiện hệ thống chính sách, văn bản pháp luật; cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, đổi mới công nghệ... Tuy nhiên, việc thu hút và tiếp tục phát huy tác động tích cực của FDI đối với nền kinh tế Việt Nam đang đối mặt với không ít hạn chế và thách thức, đặc biệt là sau thời gian đại dịch Covid-19 đã xuất hiện nhiều vấn đề phức tạp trên quy mô toàn cầu, như: căng thẳng địa chính trị, đứt gãy chuỗi cung ứng, sức cầu suy giảm, lãi suất tăng, sự dịch chuyển của dòng vốn đầu tư khó dự đoán... Vì vậy, việc thu hút FDI có chất lượng, mang tính bền vững và tạo sức lan tỏa sâu rộng trong nền kinh tế trở thành yêu cầu rất quan trọng đối với Việt Nam trong bối cảnh hiện nay. Điều này đòi hỏi Việt Nam cần có những chiến lược, chính sách cụ thể, khả thi, có sức cạnh tranh mạnh so với các nền kinh tế có lợi thế cạnh tranh tương đồng, nhằm thu hút

thành công dòng vốn FDI có chất lượng cao trong bối cảnh có nhiều thách thức như hiện nay (Bài viết sử dụng cách viết số thập phân theo chuẩn quốc tế).

VAI TRÒ CỦA FDI ĐỐI VỚI SỰ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI CỦA VIỆT NAM

Tác động của FDI đến phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2012-2022

(i) *Bổ sung nguồn vốn giúp đầu tư phát triển*

Theo Tổng cục Thống kê, năm 2015 ghi nhận thành quả rất ấn tượng trong thu hút FDI, khi vốn đăng ký mới và tăng thêm đạt 24.11 tỷ USD, vốn thực hiện là 14.5 tỷ USD, lần lượt tăng 12.5% và 17.4% so với năm 2014, trong đó có nhiều dự án FDI lớn. Năm 2016, vốn đăng ký mới và tăng thêm đạt 26.69 tỷ USD, vốn thực hiện đạt 15.8 tỷ USD; hai năm tiếp theo FDI tiếp tục tăng. Năm 2019, vốn

*, **, ***, ****, *****: Sinh viên Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP. Hồ Chí Minh

Ngày nhận bài: 14/5/2023; Ngày phản biện: 20/7/2023; Ngày duyệt đăng: 01/8/2023

đăng ký mới, điều chỉnh và góp vốn mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài đạt 38.02 tỷ USD, vốn thực hiện đạt 20.38 tỷ USD, lần lượt tăng 17.2% và tăng 6.7% so với năm 2018. Điểm nổi bật là trong năm 2019, nhà đầu tư nước ngoài đã góp vốn, mua cổ phần tới 15.47 tỷ USD, tăng 56.4% so với năm 2018, chiếm 40.7% tổng vốn đăng ký. Cũng trong năm 2019, doanh nghiệp FDI đạt kim ngạch xuất khẩu (kể cả dầu thô) là 181.35 tỷ USD, tăng 4.2% so với năm 2018 và chiếm 68.8% kim ngạch xuất khẩu của cả nước; kim ngạch nhập khẩu đạt 145.5 tỷ USD, tăng 2.5% so với năm 2018 và chiếm 57.4% kim ngạch nhập khẩu của cả nước; xuất siêu gần 35.86 tỷ USD.

Bước sang năm 2020, do tác động tiêu cực của dịch Covid-19, nên thu hút FDI sụt giảm. Tính đến ngày 20/8/2020, tổng vốn đăng ký cấp mới, điều chỉnh và góp vốn mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài đạt 19.54 tỷ USD, bằng 86.3%, vốn thực hiện đạt 11.45 tỷ USD, bằng 95.7% so với cùng kỳ năm 2019. Năm 2021, nền kinh tế dần hồi phục sau tác động đáng kể của dịch Covid-19, nên thu hút FDI có tín hiệu khởi sắc. Tính đến ngày 20/12/2021, tổng vốn đăng ký cấp mới, điều chỉnh và góp vốn mua cổ phần, mua phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài đạt 31.15 tỷ USD, tăng 9.2% so với cùng kỳ năm 2020. Vốn thực hiện ước đạt 19.74 tỷ USD, giảm nhẹ 1.2% so với cùng kỳ năm 2020. Đà phục hồi của dòng vốn FDI tiếp tục thể hiện trong năm 2022, khi tổng vốn đăng ký đạt gần 27.72 tỷ USD; vốn thực hiện đạt kỷ lục 22.4 tỷ USD, tăng 13.5% so với năm 2021. Lũy kế, Việt Nam đã thu hút gần 438.7 tỷ USD vốn FDI trong giai đoạn 1986-2022; trong đó đã giải ngân được 274 tỷ USD, chiếm 62.5% tổng vốn đầu tư đăng ký còn hiệu lực.

(ii) Tác động tích cực đến thay đổi cơ cấu kinh tế

FDI là dòng vốn đặc biệt quan trọng cho tăng trưởng và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam, góp phần bổ sung vốn, công nghệ, năng lực quản lý, khả năng kinh doanh, khả năng tổ chức và tham gia vào chuỗi cung ứng toàn cầu. Theo Cục Đầu tư nước ngoài, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, tính đến ngày 20/6/2023, các nhà đầu tư nước ngoài đã đầu tư vào 18 ngành trong tổng số 21 ngành kinh tế quốc dân. Trong đó, ngành công nghiệp chế biến, chế tạo dẫn đầu với tổng vốn đầu tư đạt

hơn 8.46 tỷ USD, chiếm gần 63% tổng vốn đầu tư đăng ký và giảm 4.2% so với cùng kỳ năm trước; ngành hoạt động tài chính, ngân hàng đứng thứ 2 với tổng vốn đầu tư hơn 1.53 tỷ USD, chiếm hơn 11.4% tổng vốn đầu tư đăng ký; các ngành kinh doanh bất động sản; hoạt động chuyên môn, khoa học công nghệ xếp thứ 3 và 4 với tổng vốn đăng ký lần lượt đạt 1.53 tỷ USD (giảm 51.5%) và hơn 630.6 triệu USD (tăng 54.4%); còn lại là các ngành khác. Xét về số lượng dự án mới, công nghiệp chế biến, chế tạo cũng là ngành dẫn đầu về số dự án mới (chiếm 29.3%) và điều chỉnh vốn (chiếm 54.6%). Bán buôn, bán lẻ dẫn đầu về số giao dịch góp vốn mua cổ phần (chiếm 42.8%).

(iii) Tạo tác động lan tỏa công nghệ

Thông qua các dự án FDI, trình độ công nghệ sản xuất trong nước đã được nâng cao một cách rõ rệt so với thời kỳ trước đây. Trong bối cảnh chịu sự cạnh tranh ngày càng cao với các sản phẩm của doanh nghiệp FDI, nhiều doanh nghiệp trong nước đã cố gắng đổi mới công nghệ bằng việc nhập các thiết bị, dây chuyền công nghệ mới để sản xuất ra các sản phẩm có tính cạnh tranh không thua kém hàng nhập khẩu với giá cả hợp lý, như: ô tô, sản phẩm may mặc, giày da, thực phẩm... Đây có thể coi là quá trình chuyển giao công nghệ gián tiếp. Thực tế có nhiều doanh nghiệp Việt Nam lớn mạnh lên nhờ quá trình này.

Những thách thức đặt ra

Bên cạnh những cơ hội mang lại cho nền kinh tế Việt Nam, thu hút dòng vốn FDI cũng đang đối mặt với không ít thách thức, thể hiện trên các khía cạnh như sau:

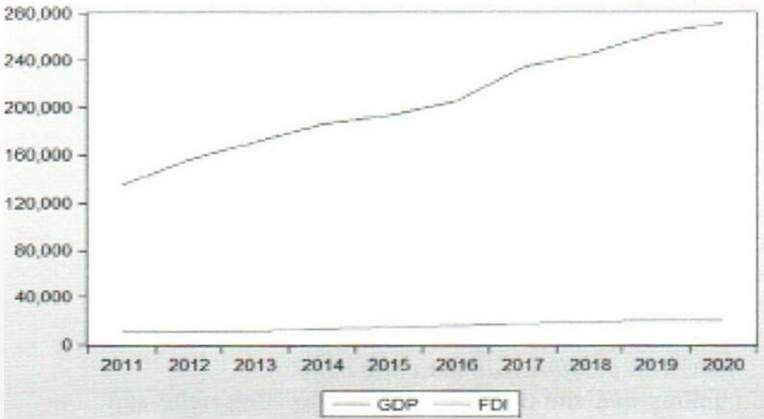
Một là, thách thức hoàn thiện cơ chế, chính sách, nâng cao năng lực pháp lý, năng lực quản lý và quản trị, chất lượng nguồn nhân lực. Việt Nam phải vượt qua những thách thức đang trực tiếp ảnh hưởng đến môi trường đầu tư, như: sự thiếu ổn định về chính sách, các quy định pháp luật chưa rõ ràng và thiếu minh bạch, gây ra những khó khăn cho nhà đầu tư trong quá trình thực hiện các hoạt động đầu tư; cơ sở hạ tầng cho các hoạt động logistics chưa phát triển đồng bộ...

Hai là, thách thức do khả năng kết nối với doanh nghiệp FDI của doanh nghiệp trong nước yếu, cùng các khó khăn trong phát triển công nghiệp phụ trợ và tham gia chuỗi cung ứng toàn cầu. Các doanh nghiệp tại Việt Nam hiện gặp khó khăn trong tham gia vào chuỗi cung ứng toàn cầu và chưa đủ năng lực để chuyển đổi mô hình sản xuất, kinh doanh cho phù hợp với xu thế mới, từ đó làm giảm năng lực cạnh tranh so với các doanh nghiệp nước ngoài. Thực trạng này dẫn tới hạn chế tính lan tỏa của các dự án FDI đối với phát triển các ngành kinh tế của Việt Nam.

Ba là, cơ sở hạ tầng thiếu đồng bộ, chất lượng hạn chế. Mặc dù, cơ sở hạ tầng, như: đường xá, cầu cảng, điện, internet... của các vùng miền ở Việt Nam đã có nhiều cải thiện, nhưng so với các nước vẫn còn chưa đồng bộ; tắc nghẽn giao thông; chi phí vận tải cao; chất lượng nguồn cung điện, nước thiếu ổn định, đặc biệt là ở vùng Tây Nam Bộ và vùng Kinh tế trọng

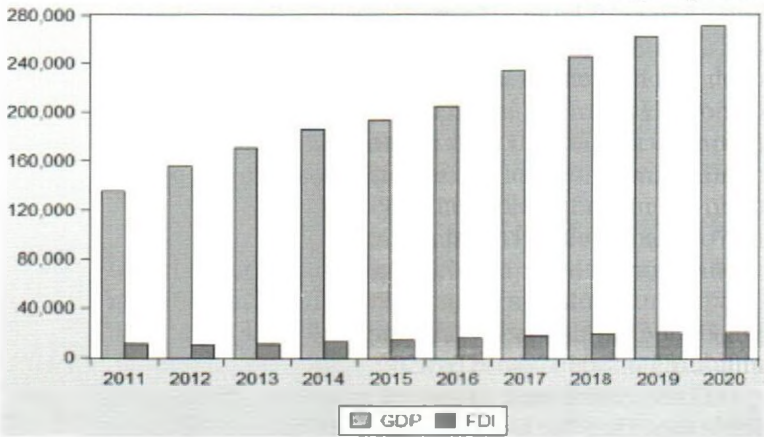
HÌNH 1: TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG GDP VÀ FDI GIAI ĐOẠN 2011-2020

Đơn vị: Triệu USD



HÌNH 2: SO SÁNH TĂNG TRƯỞNG GDP VÀ FDI GIAI ĐOẠN 2011-2020

Đơn vị: Triệu USD



Nguồn: Tổng cục Thống kê

điểm phía Nam. Tình trạng này tác động bất lợi đến khả năng thu hút các dự án FDI có quy mô lớn, trình độ công nghệ cao.

Bốn là, thách thức suy giảm dòng vốn FDI toàn cầu. Trong khi các nguồn vốn đầu tư đang sụt giảm trên quy mô toàn cầu, thì các thị trường mới nổi hấp dẫn nhà đầu tư ngày càng xuất hiện nhiều, như: Ấn Độ, Thái Lan, Indonesia... với đủ các hình thức thu hút đầu tư hấp dẫn khác nhau. Các quốc gia này không những có lợi thế tương đồng với Việt Nam trong thu hút FDI, mà còn có nhiều điểm riêng biệt, nên đang tạo ra sự cạnh tranh quyết liệt với Việt Nam.

MÔ HÌNH ĐÁNH GIÁ ẢNH HƯỞNG CỦA FDI ĐẾN TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ VIỆT NAM

Những phân tích trên đã cho thấy một số cơ hội, cũng như thách thức của tình hình thu hút FDI đối với Việt Nam. Tuy nhiên, để có những nhận định cụ thể hơn, cần đo lường mức độ ảnh hưởng của FDI đối với tăng trưởng kinh tế của Việt Nam. Sử dụng số liệu của Tổng cục Thống kê giai đoạn 2011-2020 theo đơn vị USD, nhóm tác giả đề xuất mô hình với 2 biến

(biến FDI là biến ngoại sinh; biến GDP là biến nội sinh) và sử dụng công cụ Eview- phương pháp OLS để kiểm định (Hình 1).

Qua các năm, GDP và FDI xu hướng tăng, nhưng đối với FDI năm 2020 có biến động sụt giảm do ảnh hưởng tiêu cực bởi dịch Covid-19 (Hình 2).

Thực hiện chạy mô hình cho kết quả như Bảng.

Phương trình:

$$GDP = 31138.09 + 11.4768 * FDI$$

Kiểm định cấp giả thuyết

$$H_0: B_2 = 0$$

$$H_1: B_2 \neq 0$$

Dựa trên kết quả từ Eview, với mức ý nghĩa 5%, thì giá trị p-value (Probability value) là 0.000002 (tức khác 0). Do đó, bác bỏ H_0 , chứng minh FDI ảnh hưởng đến tăng trưởng kinh tế của Việt Nam (GDP).

Ý nghĩa: Nếu FDI tăng/giảm 1 một triệu USD, GDP sẽ tăng/giảm 31138.09 triệu USD.

Thông qua kiểm định tính dừng của chuỗi D (GDP) có: $\tau = -2.425328$; $\tau_{0.01} = -5.523186$; $\tau_{0.05} = -4.107$; $\tau_{0.1} = -3.515$
 $|\tau| < |\tau_{0.01}|$ $|\tau| < |\tau_{0.05}|$ $|\tau| < |\tau_{0.1}|$

Chuỗi dừng ở bậc 1 với mức nghĩa 5%. Như vậy, giữa GDP và FDI có tồn tại quan hệ đồng liên kết hay quan hệ cân bằng dài hạn. Nếu GDP tăng lên 1%, thì sẽ làm cho FDI tăng lên 11.47%.

ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP

Từ kết quả nghiên cứu trên, nhóm tác giả đề xuất một số giải pháp nhằm tiếp tục phát huy vai trò quan trọng của FDI trong phát triển nền kinh tế Việt Nam trong giai đoạn tới, cụ thể như sau:

Thứ nhất, rà soát, điều chỉnh kịp thời chính sách thu hút đầu tư FDI cho phù hợp với những biến động của bối cảnh kinh tế toàn cầu. Chính sách ưu đãi đầu tư cần được hoàn thiện để thích ứng với những đòi hỏi của các tập đoàn xuyên quốc gia và sự cạnh tranh trong khu vực. Tăng cường sự vào cuộc chủ động, mạnh mẽ, đồng bộ của các cấp chính quyền trong quá trình sửa đổi, bổ sung hệ thống cơ chế, chính sách nhằm tạo môi trường đầu tư, kinh doanh ngày càng công bằng, minh bạch và hấp dẫn hơn.

Thứ hai, cần có biện pháp cho vấn đề hàng rào thuế quan và phí thuế quan theo hướng đảm bảo cam kết hội nhập, cũng như quyền lợi của các doanh nghiệp

BẢNG: KIỂM ĐỊNH TÍNH DỪNG CỦA GDP VÀ FDI

Biến phụ thuộc: GDP Phương pháp: Bình phương tối thiểu Ngày: 10/31/22 Time: 18:50 Bộ mẫu: 2011-2020 Cỡ mẫu: 10				
Biến số	Hệ số hồi quy	Sai số chuẩn của các hệ số hồi quy	Giá trị thống kê tương ứng	Giá trị xác suất
C	31138.09	14937.48	2.084561	0.0706
FDI	11.47680	0.953168	12.04070	0.0000
Hệ số xác định mô hình	0.947705	Giá trị trung bình mẫu của biến phụ thuộc		205937.5
Hệ số xác định có hiệu chỉnh	0.941168	Độ lệch chuẩn mẫu của biến phụ thuộc		45861.54
Giá trị ước lượng cho σ	11123.84	Tiêu chuẩn Akaike		21.64843
Tổng bình phương các sai lệch	9.90E+08	Tiêu chuẩn Schwarz		21.70894
Tiêu chuẩn ước lượng hợp lý	-106.2421	Kiểm định Hannan-Quinn		21.58204
Giá trị của thống kê F	144.9784	Thống kê Durbin-Watson		1.590786
Giá trị xác suất (p-value) của thống kê F tương ứng	0.000002			

Nguồn: Tổng hợp từ kết quả nghiên cứu của nhóm tác giả

trong nước, nhằm nâng cao hiệu quả hợp tác với khu vực FDI.

Thứ ba, cần có kế hoạch thu hút và sử dụng vốn FDI cụ thể trong những ngành, lĩnh vực trọng điểm, để tạo sức lan tỏa mạnh mẽ trong phát triển các vùng kinh tế, cũng như phạm vi cả nước.

Thứ tư, cần chú trọng đầu tư, nhanh chóng hiện đại hóa hệ thống cơ sở hạ tầng, nhằm đáp ứng tốt nhu cầu của nhà đầu tư nước ngoài.

Thứ năm, Việt Nam cần từng bước nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đặc biệt là nguồn nhân lực cho các ngành công nghệ cao, để đáp ứng được yêu cầu cung cấp nhân lực cho các dự án FDI.□

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Chính trị (2019), *Nghị quyết số 50-NQ/TW, ngày 20/8/2019 về định hướng hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao chất lượng, hiệu quả hợp tác đầu tư nước ngoài đến năm 2030.*

2. Bùi Kiều Anh (2018), *Đầu tư trực tiếp nước ngoài và tác động lan tỏa ở Việt Nam*, truy cập từ https://mof.gov.vn/webcenter/portal/ttpltc/pages_r/chi-tiet-tin-ttpltc?dDocName=MOFUCM236606.

3. Chính phủ (2020), *Nghị quyết số 58/NQ-CP, ngày 27/4/2020 ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 50-NQ/TW, ngày 20/8/2019 của Bộ Chính trị về định hướng hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao chất lượng, hiệu quả hợp tác đầu tư nước ngoài đến năm 2030.*

4. Cục Đầu tư nước ngoài, Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2012-2023), *Tình hình đầu tư nước ngoài vào Việt Nam từ năm 2011 đến năm 2022.*

5. Đức Trung (2023), *Tình hình thu hút đầu tư nước ngoài 6 tháng đầu năm 2023*, truy cập từ <https://ips.mpi.gov.vn/tinh-hinh-thu-hut-dau-tu-nuoc-ngoai-6-thang-dau-nam-2023/>.

6. Lê Văn Thắng, Nguyễn Lưu Bảo Đoàn (2017), *Phân tích yếu tố ảnh hưởng đến FDI của các tỉnh thành Việt Nam bằng mô hình kinh tế lượng không gian*, *Tạp chí Phát triển Kinh tế*, 28(7), 4-33.

7. Liên Trang (2018), *Tác động lan tỏa từ chuyển giao công nghệ của doanh nghiệp FDI còn yếu*, truy cập từ <https://kinhtevadubao.vn/tac-dong-lan-toa-tu-chuyen-giao-cong-nghe-cua-doanh-nghiep-fdi-con-yeu-9383.html>.

8. Nguyễn Mại (2013), *Về môi trường đầu tư của Việt Nam*, truy cập từ https://repository.vnu.edu.vn/bitstream/VNU_123/97633/1/Ve-moi-truong-dau-tu-cua-VN_GS-TSKH-Nguyen-Mai.pdf.

9. Nguyễn Ngọc Diệp, Hà Hải Giang, Nguyễn Thị Ngọc Nghĩa, Lê Mai Trang (2022), *Thu hút FDI trong bối cảnh mới: Cơ hội và thách thức cho Việt Nam*, truy cập từ <https://kinhtevadubao.vn/thu-hut-fdi-trong-boi-can-moi-co-hoi-va-thach-thuc-cho-viet-nam-21754.html>.

10. Tổng cục Thống kê (2012-2023), *Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội năm 2011- 2022.*